

KẾ HOẠCH BIÊN CHẾ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH CẤP XÃ NĂM 2025

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày /2024 của UBND Thành phố)

STT	TÊN ĐƠN VỊ	BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC ĐƯỢC GIAO NĂM 2024				SỐ CÔNG CHỨC HIỆN CÓ	SỐ CÔNG CHỨC NGHỈ HƯU CÒN LẠI CỦA NĂM 2024	SỐ BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC CÒN CHƯA SỬ DỤNG	KẾ HOẠCH NĂM 2025								Ghi chú
		TỔNG CỘNG	CÁN BỘ	CÔNG CHỨC	NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH				Tổng cộng	Cán bộ, công chức				Người hoạt động không chuyên trách			
										Tổng cộng	Cán bộ		Công chức		Tổng số	Tăng/ giảm so với năm 2024	
											Tổng số	Tăng/ giảm so với năm 2024	Tổng số	Tăng/ giảm so với năm 2024			
1	2	3=(4)+(5)+(6)	4	5	6	7	8	9=(5)-(7)	10=(11)+(16)	11=(12)+(14)	12	13=(12)-(4)	14	15=(14)-(5)	16	17=(16)-(6)	18
	Tổng cộng	20 350	5 497	6 816	8 037	5 919	5	897	20 378	12 313	5 497		6 816		8 065	28	
1	Quận Đống Đa	735	126	315	294	272		43	736	441	126		315		295	1	
2	Quận Hai Bà Trưng	629	108	270	251	239	1	31	630	378	108		270		252	1	
3	Quận Hà Đông	628	102	255	271	233	1	22	628	357	102		255		271		
4	Quận Hoàng Mai	531	84	210	237	208		2	550	294	84		210		256	19	
5	Quận Bắc Từ Liêm	483	78	195	210	194		1	484	273	78		195		211	1	
6	Quận Long Biên	509	84	210	215	177	1	33	509	294	84		210		215		
7	Quận Hoàn Kiếm	631	108	270	253	257	2	13	631	378	108		270		253		
8	Quận Nam Từ Liêm	370	60	150	160	143		7	380	210	60		150		170	10	
9	Quận Ba Đình	490	84	210	196	192		18	489	294	84		210		195	- 1	
10	Quận Thanh Xuân	405	66	165	174	151		14	405	231	66		165		174		
11	Quận Cầu Giấy	312	48	120	144	112		8	313	168	48		120		145	1	
12	Thị xã Sơn Tây	519	127	196	196	160		36	519	323	127		196		196		
13	Quận Tây Hồ	291	48	120	123	119		1	287	168	48		120		119	- 4	
14	Huyện Đông Anh	938	263	302	373	241		61	938	565	263		302		373		
15	Huyện Gia Lâm	808	242	250	316	197		53	808	492	242		250		316		
16	Huyện Thanh Trì	628	176	202	250	148		54	628	378	176		202		250		

STT	TÊN ĐƠN VỊ	BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC ĐƯỢC GIAO NĂM 2024				SỐ CÔNG CHỨC HIỆN CÓ	SỐ CÔNG CHỨC NGHỈ HƯU CÒN LẠI CỦA NĂM 2024	SỐ BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC CÒN CHƯA SỬ DỤNG	KẾ HOẠCH NĂM 2025								Ghi chú
		TỔNG CỘNG	CÁN BỘ	CÔNG CHỨC	NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH				Tổng cộng	Cán bộ, công chức				Người hoạt động không chuyên trách			
										Tổng cộng	Cán bộ		Công chức		Tổng số	Tăng/ giảm so với năm 2024	
											Tổng số	Tăng/ giảm so với năm 2024	Tổng số	Tăng/ giảm so với năm 2024			
1	2	3=(4)+(5)+(6)	4	5	6	7	8	9=(5)-(7)	10=(11)+(16)	11=(12)+(14)	12	13=(12)-(4)	14	15=(14)-(5)	16	17=(16)-(6)	18
17	Huyện Sóc Sơn	936	285	287	364	263		24	936	572	285		287		364		
18	Huyện Ba Vì	1 084	340	326	418	286		40	1 084	666	340		326		418		
19	Huyện Chương Mỹ	1 118	352	335	431	270		65	1 118	687	352		335		431		
20	Huyện Hoài Đức	712	220	216	276	182		34	712	436	220		216		276		
21	Huyện Đan Phượng	540	176	158	206	139		19	540	334	176		158		206		
22	Huyện Thạch Thất	774	253	226	295	180		46	774	479	253		226		295		
23	Huyện Mê Linh	666	198	207	261	167		40	666	405	198		207		261		
24	Huyện Thường Tín	938	319	266	353	239		27	938	585	319		266		353		
25	Huyện Quốc Oai	708	231	207	270	184		23	708	438	231		207		270		
26	Huyện Thanh Oai	726	230	217	279	178		39	726	447	230		217		279		
27	Huyện Mỹ Đức	734	242	213	279	189		24	734	455	242		213		279		
28	Huyện Phú Xuyên	882	297	253	332	219		34	882	550	297		253		332		
29	Huyện Ứng Hòa	934	319	264	351	203		61	934	583	319		264		351		
30	Huyện Phúc Thọ	691	231	201	259	177		24	691	432	231		201		259		